Biểu số 01

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Trung ương giao	Địa phương giao	Địa phương giao Tăng (+) /Giảm (-) so với Trung ương giao	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**982.090**	**2.504.067**	**1.521.977**	
A	**VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**982.090**	**2.504.067**	**1.521.977**	
1	**Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương**	**974.690**	**2.496.667**	**1.521.977**	
	Trong đó:				
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	552.690	552.690		
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	340.000	1.861.977	1.521.977	
+	*Nguồn thu tiền sử dụng đất theo mức vốn cân đối của Bộ Tài chính*	*340.000*	*390.000*	*50.000*	
+	*Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất, tiền bán tài sản từ dự án khai thác quỹ đất tỉnh giao tăng thêm*		*1.471.977*	*1.471.977*	
-	Xổ số kiến thiết	82.000	82.000		
2	**Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (*)**	**7.400**	**7.400**		

Ghi chú:

(*): Thực hiện theo Nghị quyết về Kế hoạch vay và trả nợ công năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Biểu số 02

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Lũy kế kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương đã bố			Dự kiến năm 2025			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
	TỔNG SỐ (A+B+C)				**9.953.916**	**6.696.004**	**5.245.932**	**78.000**		**1.674.032**	**107.130**		**2.496.667**	**167.726**		
A	**NGUỒN CÂN ĐỐI NSĐP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG (NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC)**				**1.873.623**	**1.076.253**	**1.658.171**			**1.100.438**			**552.690**			
I	**PHÂN CẤP CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**						**1.170.955**			**935.889**			**235.066**			**Chi tiết tại Biểu số 03**
II	**VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**				**1.873.623**	**1.076.253**	**487.216**			**164.549**			**317.624**			
II.1	**BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA VÀ DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**				**526.072**	**154.262**	**90.000**			**24.000**			**62.000**			
a)	***Dự án ODA***				**321.072**	**75.262**	**30.000**			**9.000**			**18.000**			
(1)	**Dự án chuyển tiếp và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2025**				**321.072**	**75.262**	**30.000**			**9.000**			**18.000**			
1	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Kon Tum	Sở Nông nghiệp và PTNT	Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Hà, Kon Rẫy	148/TTg-QHQT, 02/02/2021; 271-31/5/2023	321.072	75.262	30.000			9.000			18.000			
b)	***Đối ứng các dự án sử dụng vốn Trung ương***				***205.000***	***79.000***	***30.000***						***29.000***			
(1)	**Dự án khởi công mới và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2025**				**205.000**	**79.000**	**30.000**						**29.000**			
1	Bổ sung thiết bị cho các trường theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	Toàn tỉnh	670-20/11/2024	205.000	79.000	30.000						29.000			
c)	***Đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia***	***Các chủ đầu tư***	***Toàn tỉnh***				***30.000***			***15.000***			***15.000***			
II.2	**TRẢ NỢ QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH**	**Các chủ đầu tư**					**22.700**			**19.778**			**2.794**			
II.3	**THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSĐP**				**1.347.551**	**921.991**	**374.516**			**120.771**			**252.830**			
a)	***Dự án chuyển tiếp sang năm 2025***				**1.320.641**	**895.081**	**348.616**			**120.771**			**226.930**			
(1)	**Dự án chuyển tiếp và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2025**				**1.190.641**	**765.081**	**295.125**			**96.271**			**198.654**			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Lũy kế kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương đã bố			Dự kiến năm 2025			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	Đường dẫn vào cầu số 03 qua sông Đăk Bla gắn với chỉnh trang đô thị	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	293-02/4/2019; 726-15/7/2019; 794-29/12/2023; 345-14/6/2024	87.000	87.000	27.000			7.500			19.500			
2	Kè chống sạt lở bờ suối biên giới đoạn giữa cột mốc 22/3-23/4 trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia	Cơ quan thường trực BCĐ công tác biên giới (Sở Ngoại vụ)	Ia H'Drai	NQ 35-13/7/2023; 563-14/11/2023	38.840	38.840	38.840			30.000			8.840			
3	Đường trung tâm phía Nam thị trấn Plei Kần	UBND huyện Ngọc Hồi	Ngọc Hồi	571-06/9/2024	246.000	20.000	20.000			15.516			4.484			
4	Đường từ trung tâm huyện Kon Plông kết nối đường Đông Trường Sơn	UBND huyện Kon Plong	Kon Plong	NQ 31-09/7/2021; 485-24/8/2022; NQ 42-11/7/2024; 526-09/9/2024	60.810	15.000	15.000						15.000			
5	Đường giao thông từ xã Đăk Pne, huyện Kon Rẫy đi huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	UBND huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	NQ 08-12/3/2021; NQ 14-05/7/2021; 635-04/10/2024	150.000	12.800	12.800						12.800			
6	Cầu 16/5 thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	Đăk Glei	NQ 52-29/4/2021; 1066-15/11/2021	86.550	70.000	25.000			12.958			12.042			
7	Chốt dân quân thường trực xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Ia H'Drai	628-24/9/2021; 1640/QĐ-QK-16/6/2024	4.600	4.600	4.550			575			3.975			
8	Chốt dân quân thường trực xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Ia H'Drai	629-24/9/2021; 1639/QĐ-QK-16/6/2024	5.400	5.400	5.350			978			4.372			
9	Chốt dân quân thường trực xã Mô Rai, huyện Sa Thầy	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sa Thầy	630-24/9/2021; 1642/QĐ-QK-16/6/2024	5.700	5.700	5.650			1.711			3.939			
10	Mua sắm bổ sung trang thiết bị, phương tiện đào tạo Trường Cao đẳng Kon Tum giai đoạn 2024-2025	Trường Cao đẳng Kon Tum	Kon Tum	113-31/10/2024	9.800	9.800	10.000			2.900			6.900			
11	Đường Trường Chinh (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Đào Duy Từ - phạm vi cầu nối qua sông Đăk Bla)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	985-13/9/2019; NQ 12-12/3/2021; 795-29/12/2023; 346-14/6/2024	457.126	457.126	92.120			9.879			82.241			
12	Cơ sở huấn luyện dự bị động viên/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đăk Tô	174-28/4/2023; 582-24/11/2023	38.815	38.815	38.815			14.254			24.561			
(2)	**Dự án hoàn thành sau năm 2025**				**130.000**	**130.000**	**53.491**			**24.500**			**28.276**			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Lũy kế kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương đã bố			Dự kiến năm 2025			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh Kon Tum	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	1388-12/12/2018; 1461-23/12/2019; 632-03/12/2021	90.000	90.000	28.715			13.000			15.000			
2	Đường hầm Sở chỉ huy cơ bản huyện Ia H'Drai	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Ia H'Drai	NQ 03-9/7/2021; 1781-18/11/2022	40.000	40.000	24.776			11.500			13.276			
b)	***Dự án khởi công mới năm 2025***				***26.910***	***26.910***	***25.900***						***25.900***			
(1)	**Dự án hoàn thành trong năm 2025**				**26.910**	**26.910**	**25.900**						**25.900**			
1	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Kon Tum	Sở Thông tin và Truyền thông	Kon Tum	618-22/10/2024	26.910	26.910	25.900						25.900			
B	**NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT**				**479.326**	**353.326**	**240.061**			**70.998**			**82.000**			
I	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**				**205.000**	**79.000**	**50.000**						**50.000**			
a)	***Dự án khởi công mới năm 2025***				***205.000***	***79.000***	***50.000***						***50.000***			
(1)	**Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025**				**205.000**	**79.000**	**50.000**						**50.000**			
1	Bổ sung thiết bị cho các trường theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	Toàn tỉnh	670-20/11/2024	205.000	79.000	50.000						50.000			
II	**LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH**				**274.326**	**274.326**	**190.061**			**70.998**			**32.000**			
a)	***Dự án chuyển tiếp sang năm 2025***				***274.326***	***274.326***	***190.061***			***70.998***			***32.000***			
(1)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**				**274.326**	**274.326**	**190.061**			**70.998**			**32.000**			
1	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum từ bệnh viện hạng II lên bệnh viện hạng I quy mô 750 giường bệnh (giai	Sở Y tế	Kon Tum	NQ 29-09/7/2021; 585-24/11/2023	274.326	274.326	190.061			70.998			32.000			
C	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**				**7.600.967**	**5.266.425**	**3.347.700**	**78.000**		**502.596**	**107.130**		**1.861.977**	**167.726**		
I	**PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG**												**343.200**			**Chi tiết tại Biểu số 03**
II	**CHI QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**												**39.000**			
II.1	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện cho các huyện, thành phố												20.000			Chi tiết tại Biểu số 03
II.2	Chi quản lý đất đai tại tỉnh												19.000			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Lũy kế kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương đã bố			Dự kiến năm 2025			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
III	**BỔ SUNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT**												**7.800**			
IV	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, THUÊ ĐẤT, TIỀN BÁN TÀI SẢN TỪ DỰ ÁN KHAI THÁC QUỸ ĐẤT TỈNH GIAO TĂNG THÊM (PHÂN BỔ THEO TIẾN ĐỘ NGUỒN THU**				**7.600.967**	**5.266.425**	**3.347.700**	**78.000**		**502.596**	**107.130**		**1.471.977**	**167.726**		
IV.1	**PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG (dự toán giao tăng thêm - chi theo tiến độ nguồn thu)**												**88.000**			**Chi tiết tại Biểu số 03**
IV.2	**CHI QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**												**155.213**			
-	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện cho các huyện, thành phố												58.000			Chi tiết tại Biểu số 03
-	Chi quản lý đất đai tại tỉnh												97.213			
IV.3	**BỔ SUNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT**	**Các chủ đầu tư**	**Toàn tỉnh**										**22.122**			
IV.4	**CẤP, BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ CHO QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH**	**Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh**	**Kon Tum**										**55.000**			
IV.5	**PHÂN BỔ CHI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN**				**7.600.967**	**5.266.425**	**3.347.700**	**78.000**		**502.596**	**107.130**		**1.151.642**	**167.726**		
I	**BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSTW**				**3.313.880**	**1.402.497**	**816.548**			**95.023**	**16.130**		**271.738**	**15.367**		
a)	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025***				***366.280***	***200.897***	***188.513***			***78.892***			***81.738***			
1	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng Doanh trại các đơn vị thuộc Sư đoàn 10 tại xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	NQ 66-29/4/2021; 747-05/11/2021	129.513	82.513	82.513			25.000			57.500			
2	Đường bao khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum (đoạn từ Đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	868-30/10/2013; 1057-30/10/2015; 670-24/10/2022	236.767	118.384	106.000			53.892			24.238			
b)	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau 2025***				***2.947.600***	***1.201.600***	***628.035***			***16.130***	***16.130***		***190.000***	***15.367***		
1	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Plong	NQ 17-29/4/2021; 683-30/12/2021	1.300.000	400.000	260.000			16.130	16.130		80.000	15.367		
2	Dự án đường trục chính phía Tây thành phố Kon Tum	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	1020-18/10/2020; 338-08/6/2022; 660-15/10/2024	1.492.600	746.600	313.035						100.000			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Lũy kế kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương đã bố			Dự kiến năm 2025			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
3	Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kon Tum	NQ 31-29/4/2021; NQ 19-3/05/2024; 508-28/8/2024	155.000	55.000	55.000						10.000			
IV.2	**THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSĐP**				**4.287.087**	**3.863.928**	**2.531.152**	**78.000**		**407.574**	**91.000**		**879.904**	**152.359**		
a)	**Dự án chuyển tiếp**				**3.500.544**	**3.412.385**	**2.089.229**	**78.000**		**407.574**	**91.000**		**762.981**	**152.359**		
(1)	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025**				**1.292.982**	**1.204.823**	**863.271**	**30.000**		**281.752**	**30.000**		**465.896**	**79.266**		
1	Đường Trường Chinh (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Đào Duy Từ - phạm vi cầu nối qua sông Đăk Bla)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	985-13/9/2019; NQ 12-12/3/2021; 346-14/6/2024	457.126	457.126	247.880			17.993			229.000	40.000		
2	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại Trung tâm thể dục thể thao	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	510-22/5/2019; 1172-23/10/2019	197.223	197.223	183.700	30.000		84.000	30.000		11.266	11.266		Hoàn thành hợp phần 1
3	Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	910-28/10/2015; 51-25/01/2021	75.000	75.000	75.000			60.667			14.330			
4	Cầu 16/5 thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	Đăk Glei	NQ 52-29/4/2021; 1066-15/11/2021; NQ 44-11/7/2024	86.550	70.000	45.000						45.000			
5	Trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành và các hạng mục phụ trợ	Văn phòng UBND tỉnh	Kon Tum	NQ 41-29/4/2021; 256-11/5/2022	245.000	245.000	220.500			106.092			114.000	28.000		
6	Đường dẫn vào cầu số 03 qua sông Đăk Bla gắn với chỉnh trang đô thị	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	293-02/4/2019; 726-15/7/2019; 345-14/6/2024	87.000	87.000	21.300			10.000			11.000			
7	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ tại phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	205-27/02/2019; 147-08/3/2021	35.083	35.083	31.500			3.000			3.000			
8	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	Trường Cao đẳng Kon Tum	Kon Tum	NQ 34-09/7/2021; NQ 36-12/7/2022; 656-18/10/2022	110.000	38.391	38.391						38.300			
(2)	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***				***2.207.562***	***2.207.562***	***1.225.958***	***48.000***		***125.822***	***61.000***		***297.085***	***73.093***		
1	Khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng Khu du lịch Ngục Kon Tum	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	1451-29/12/2017; 889-22/8/2018	100.000	100.000	93.000	2.000		170			2.000	2.000		
2	Chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sao Mai	BQL Khu kinh tế tỉnh	Kon Tum	939-03/9/2019; 1125-16/10/2019	272.240	272.240	241.250	34.000		51.236	34.000		53.805			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Lũy kế kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương đã bố			Dự kiến năm 2025			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
3	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu phức hợp đô thị tại Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	204-27/02/2019; 147-08/3/2021	108.937	108.937	105.000			15.000			15.000			
4	Đầu tư hạ tầng Khu du lịch văn hóa, lịch sử Ngục Kon Tum	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	1452a-30/11/2016; 1153-31/10/2017; 277-16/5/2022	127.040	127.040	102.708						35.000	5.900		
5	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu du lịch - đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp thể thao tại xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	206-27/02/2019; 239-30/3/2021	383.993	383.993	364.000			20.500	15.000		151.280	65.193		
6	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Đường bao khu dân cư phía Bắc thành phố Kon Tum (đoạn từ đường Trần Phú đến cầu treo Kon Klor)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	1058-30/10/2015	605.689	605.689	160.000	6.000		19.804	6.000		20.000			
7	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Đường bao khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum (đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	1057-30/10/2015	609.663	609.663	160.000	6.000		19.112	6.000		20.000			
b)	***Dự án khởi công mới***				***786.543***	***451.543***	***441.923***						***116.923***			
(1)	**Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025**				***16.923***	***16.923***	***16.923***						***16.923***			
1	Chỉnh trang đô thị, di dời Bến xe Kon Tum về phía Bắc Thành phố Kon Tum theo quy hoạch (*cập nhật di dời Cửa hàng xăng*	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Kon Tum	1230-09/12/2020; 290-14/4/2021	16.923	16.923	16.923						16.923			
(2)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**				***769.620***	***434.620***	***425.000***						***100.000***			
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem)	UBND huyện Đăk Tô	Đăk Tô	NQ 53-29/4/2021; 36-27/01/2023	99.620	99.620	90.000						30.000			
2	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Kon Tum	Công an tỉnh	Kon Tum	102/QĐ-BCA-H01 - 04/01/2024	670.000	335.000	335.000						70.000			

Biểu số 03

PHÂN CẤP, HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng số	Nguồn cân đối NSĐP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg							Thu tiền sử dụng đất				Ghi chú
			Tổng	Trong đó:						Tổng số	Trong đó			
				Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND	Hỗ trợ có mục tiêu phát triển các vùng kinh tế động lực	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư phát triển hạ tầng cụm công nghiệp	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư chỉnh trang đô thị	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư các công trình cấp bách		Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện cho các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai	Hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và	
	Tổng số	**744.266**	**235.066**	**81.791**	**71.991**	**30.830**	**30.999**	**11.955**	**7.500**	**509.200**	**431.200**	**20.000**	**58.000**	
I	**Phân cấp ngân sách huyện được hưởng theo dự toán giao cân đối**	**598.266**	**235.066**	**81.791**	**71.991**	**30.830**	**30.999**	**11.955**	**7.500**	**363.200**	**343.200**	**20.000**		
1	Thành phố Kon Tum	257.040	77.040	16.410	33.700	4.575	10.400	11.955		180.000	176.000	4.000		
2	Huyện Đăk Hà	33.410	23.550	7.025		4.725	11.800			9.860	8.360	1.500		
3	Huyện Đăk Tô	35.430	20.730	7.371		2.060	8.799		2.500	14.700	13.200	1.500		
4	Huyện Tu Mơ Rông	12.048	10.460	7.590		2.870				1.588	88	1.500		
5	Huyện Ngọc Hồi	34.406	10.406	7.396		3.010				24.000	22.000	2.000		
6	Huyện Đăk Glei	13.280	10.900	8.030		2.870				2.380	880	1.500		
7	Huyện Sa Thầy	24.317	10.497	7.832		2.665				13.820	12.320	1.500		
8	Huyện Ia H'Drai	14.496	8.596	5.926		2.670				5.900	4.400	1.500		
9	Huyện Kon Rẫy	14.115	12.263	6.588		3.175			2.500	1.852	352	1.500		
10	Huyện Kon Plông	159.724	50.624	7.623	38.291	2.210			2.500	109.100	105.600	3.500		

TT	Đơn vị	Tổng số	Nguồn cân đối NSĐP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg							Thu tiền sử dụng đất				Ghi chú
			Tổng	Trong đó:						Tổng số	Trong đó			
				Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND	Hỗ trợ có mục tiêu phát triển các vùng kinh tế động lực	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư phát triển hạ tầng cụm công nghiệp	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư chỉnh trang đô thị	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư các công trình cấp bách		Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện cho các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai	Hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và	
II	**Phân cấp ngân sách huyện được hưởng theo dự toán giao tăng thêm (chi theo tiến độ nguồn thu)**	146.000								**146.000**	**88.000**		**58.000**	
1	Thành phố Kon Tum	96.600								96.600	88.000		8.600	
	Chi đầu tư từ nguồn giao tăng thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất so với dự toán trung ương giao và phân bổ theo tiến độ nguồn thu thực tế phát sinh nộp vào ngân sách nhà	88.000								88.000	*88.000*			
2	Huyện Đăk Hà	5.100								5.100			5.100	
3	Huyện Đăk Tô	5.000								5.000			5.000	
4	Huyện Tu Mơ Rông	4.800								4.800			4.800	
5	Huyện Ngọc Hồi	7.300								7.300			7.300	
6	Huyện Đăk Glei	5.100								5.100			5.100	
7	Huyện Sa Thầy	4.900								4.900			4.900	
8	Huyện Ia H'Drai	5.100								5.100			5.100	
9	Huyện Kon Rẫy	4.800								4.800			4.800	
10	Huyện Kon Plông	7.300								7.300			7.300	